EU cập nhật quy định về nhựa sử dụng một lần

Với hơn 450 nghìn người và nhu cầu tiêu dùng đa dạng, EU là một trong những thị trường lớn trên thế giới và là thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ và Nhật Bản. Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam sang EU đạt 552,9 triệu USD, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Tuy nhiên, EU là thị trường có nhiều quy định khắt khe như quy định về sử dụng nhựa một lần. Theo đó, ngày 8/9/2026, Ủy ban Châu Âu đã công bố Thông báo cập nhật quy định về nhựa sử dụng một lần, trong đó nêu rõ các hướng dẫn sửa đổi về việc giải thích và thực thi Chỉ thị (EU) 2019/904, về nhựa sử dụng một lần.

Chỉ thị (EU) 2019/904 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ban hành ngày 5/6/2019 về việc giảm thiểu tác động của một số sản phẩm nhựa đối với môi trường (Văn bản có liên quan đến EEA). Chỉ thị này quy định các điều kiện giới hạn đối với nhựa sử dụng một lần được sản xuất từ các chất khởi đầu có nguồn gốc sinh học, hóa thạch hoặc tổng hợp. Các sản phẩm nhựa sử dụng một lần bao gồm nhiều loại sản phẩm tiêu dùng nhanh được sử dụng phổ biến, bị vứt bỏ sau khi chỉ được sử dụng một lần cho mục đích đã định, hiếm khi được tái chế và dễ trở thành rác thải.

Quy định PPWR (EU) 2025/40 sửa đổi trực tiếp Chỉ thị nhựa dùng một lần 2019/904 (SUPD) nhằm mục tiêu cắt giảm triệt để lượng rác thải nhựa phát sinh từ lĩnh vực thực phẩm, dịch vụ ăn uống và lưu trú. Theo đó, kể từ ngày 12/2/2027, các cơ sở kinh doanh đồ ăn, thức uống mang đi (takeaway) tại EU bắt buộc phải cho phép khách hàng tự mang theo hộp hoặc bình đựng cá nhân để chứa thực phẩm/đồ uống. Nhiều loại bao bì và vật dụng nhựa dùng một lần (như hộp đựng, ly, đĩa, gia vị gói nhỏ bằng nhựa tại nhà hàng, quán cà phê, khách sạn) sẽ bị cấm lưu hành hoàn toàn trên thị trường EU vào năm 2030

Các quy định về nhựa sử dụng một lần đặt mục tiêu giảm thiểu lượng chất thải nhựa (bằng cách cấm một số mặt hàng nhất định) và đảm bảo việc thu gom và tái chế đúng cách, ví dụ như quy định việc thu gom riêng 77% chai PET vào năm 2025 và hàm lượng vật liệu tái chế 25% trong các chai PET mới được đưa

ra thị trường vào cùng năm đó (Điều 6, Điều 9). Chỉ thị này còn tăng các mục tiêu đó lên lần lượt vào năm 2029 và 2030.

Chỉ thị cấm tất cả các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học, dù là sử dụng một lần hay không. Các sản phẩm nhựa sử dụng một lần được đưa ra thị trường tại một quốc gia thành viên có thể được coi là tương đương với lượng chất thải phát sinh từ các sản phẩm đó, bao gồm cả rác thải, trong cùng năm tại quốc gia thành viên đó. Việc thiết lập các chương trình hoàn trả tiền đặt cọc và các mục tiêu thu gom riêng biệt cho các chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất có liên quan là những biện pháp có thể hỗ trợ để đạt được mục tiêu này.

Các biện pháp nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng và khuyến khích hành vi tiêu dùng có trách nhiệm cũng có thể được chính quyền địa phương và khu vực xem xét. Các biện pháp nâng cao nhận thức như vậy cần cung cấp thông tin về: Sự sẵn có của các lựa chọn thay thế có thể tái sử dụng, hệ thống tái sử dụng và các phương án quản lý chất thải cho các sản phẩm nhựa dùng một lần và cho ngư cụ có chứa nhựa, cũng như các biện pháp tốt nhất trong quản lý chất thải bền vững; Tác động của việc xả rác bừa bãi và các hình thức xử lý chất thải không đúng cách khác, bao gồm các sản phẩm nhựa dùng một lần và ngư cụ có chứa nhựa, đối với môi trường, đặc biệt là môi trường biển; Tác động của việc xử lý chất thải không đúng cách đối với các sản phẩm nhựa dùng một lần lên hệ thống cống.

Trọng tâm của các hướng dẫn này là các sản phẩm nhựa dùng một lần như bóng bay, que cắm bóng bay, hộp đựng đồ uống có dung tích lên đến 3 lít (bao gồm cả nắp và nút đậy), que khuấy đồ uống, que tăm bông, cốc đựng đồ uống, cốc đựng đồ uống làm bằng xốp polystyrene giãn nở (bao gồm cả nắp và nút đậy), dao kéo (nĩa, dao, thìa, đũa), hộp đựng thực phẩm, hộp đựng thực phẩm làm bằng xốp polystyrene giãn nở, túi ni lông nhẹ, bao bì và giấy gói, đĩa, băng vệ sinh, tampon và dụng cụ đặt tampon, ống hút, sản phẩm thuốc lá có đầu lọc và đầu lọc được bán trên thị trường để sử dụng kết hợp với sản phẩm thuốc lá, khăn ướt.

Việc bảo vệ môi trường và sức khỏe con người ở mức độ cao, đặc biệt là liên quan đến mức độ phát thải vào không khí, nước và đất, là cần thiết vì một số lý do:

Thứ nhất, biến đổi khí hậu là một hiện tượng toàn cầu không có biên giới và tác động của nó không có mối liên hệ trực tiếp với nguồn phát thải khí nhà kính, các quốc gia có lượng phát thải khí nhà kính thấp vẫn có thể chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu không tương xứng với đóng góp riêng lẻ của họ vào tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu.

Thứ hai, các hệ thống nước có mối liên hệ mật thiết với nhau, ví dụ như thông qua các dòng hải lưu, và kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy rằng ô nhiễm, bao gồm cả ô nhiễm rác thải nhựa, xảy ra ở một phần của hành tinh có thể lan rộng đến các đại dương và lục địa khác.

Thứ ba, phát thải vào đất không chỉ có tác động cục bộ mà còn có tác động xuyên biên giới, đặc biệt khi những phát thải đó đi vào các nguồn nước. Việc thúc đẩy sử dụng vật liệu tái chế trong bao bì nhựa dựa trên tiền đề rằng bản thân vật liệu tái chế đó được sản xuất theo cách bền vững với môi trường, do đó làm giảm lượng khí thải carbon và khuyến khích nền kinh tế tuần hoàn. Để đạt được mục tiêu đó, cần phải có những biện pháp bảo vệ nhất định nhằm đảm bảo rằng cách thức thu được vật liệu tái chế không làm mất đi lợi ích môi trường của việc sử dụng vật liệu tái chế đó trong bao bì nhựa sau này.

Do đó, cần phải giải quyết các mối quan ngại về môi trường liên quan một cách không phân biệt đối xử đối với cả bao bì nhựa sản xuất trong nước và nhập khẩu. Để đạt được điều đó, hàng nhập khẩu vào Liên minh châu Âu cần phải tuân theo các điều kiện tương đương về khí thải và các tiêu chí thu gom và bền vững riêng biệt cho công nghệ tái chế.

Để đạt được mục tiêu giảm thiểu đáng kể và bền vững lượng chất thải bao bì nói chung, cần đặt ra các mục tiêu ngăn ngừa chất thải nhằm giảm lượng chất thải bao bì bình quân đầu người vào năm 2030. Việc đạt được mục tiêu giảm 5% lượng chất thải bao bì vào năm 2030 so với năm 2018 sẽ dẫn đến mức giảm tuyệt đối trung bình khoảng 19% trên toàn Liên minh châu Âu vào năm 2030 so với kịch bản cơ sở năm 2030. Để đảm bảo các nỗ lực giảm thiểu tiếp tục sau năm 2030, cần đặt mục tiêu giảm 10% so với năm 2018 vào năm 2035; Ước tính mức này sẽ giảm lượng chất thải bao bì xuống 29% so với kịch bản cơ sở năm 2035. Cần đặt thêm mục tiêu giảm 15% so với năm 2018 vào năm 2040; ước

tính mức này sẽ giảm lượng chất thải bao bì xuống 37% so với kịch bản cơ sở năm 2040.

Để hỗ trợ các quốc gia thành viên đạt được các mục tiêu ngăn ngừa rác thải bao bì, cần trao quyền thực thi cho Ủy ban để thiết lập một hệ số điều chỉnh nhằm tính đến sự tăng hoặc giảm lượng khách du lịch so với năm cơ sở 2018. Do việc phát sinh rác thải bao bì thương mại và công nghiệp không liên quan đến tiêu dùng hộ gia đình, nên các mục tiêu ngăn ngừa rác thải bình quân đầu người không thể áp dụng trực tiếp cho rác thải bao bì thương mại và công nghiệp. Các quốc gia thành viên đã thiết lập hệ thống quản lý khác nhau đối với rác thải bao bì hộ gia đình và rác thải bao bì công nghiệp và thương mại cần được giữ nguyên tính đặc thù của hệ thống đó.

Quy định về túi đựng đồ bằng nhựa:

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp để đạt được mục tiêu giảm bền vững lượng tiêu thụ túi ni lông nhẹ trên lãnh thổ của mình.

Việc giảm thiểu bền vững được coi là đạt được nếu mức tiêu thụ hàng năm không vượt quá 40 túi ni lông nhẹ trên đầu người, hoặc mục tiêu tương đương về trọng lượng, vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và vào ngày 31 tháng 12 của mỗi năm sau đó.

2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên phải thực hiện để đạt được mục tiêu nêu tại khoản 1 phải tính đến tác động môi trường của túi ni lông nhẹ khi chúng được sản xuất, tái chế hoặc thải bỏ, cũng như các đặc tính phân hủy sinh học, độ bền hoặc mục đích sử dụng cụ thể của chúng. Các biện pháp đó, ngoài phạm vi Điều 4, có thể bao gồm các hạn chế tiếp thị, với điều kiện là chúng phải tương xứng và không phân biệt đối xử.

3. Bên cạnh các biện pháp quy định, các quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp, chẳng hạn như các công cụ kinh tế và mục tiêu giảm thiểu quốc gia, đối với bất kỳ loại túi ni lông nào, bất kể độ dày thành túi, phù hợp với các nghĩa vụ phát sinh từ Hiệp ước Lisbon.

4. Các quốc gia thành viên có thể loại trừ khỏi các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 các loại túi đựng bằng nhựa siêu nhẹ cần thiết cho mục đích vệ sinh hoặc được dùng làm bao bì bán hàng cho thực phẩm rời để ngăn ngừa lãng phí thực phẩm.

5. Trước ngày 12 tháng 2 năm 2032, Ủy ban sẽ chuẩn bị một báo cáo về các vật liệu đóng gói, ngoài những vật liệu được đề cập trong đoạn 1 và 2, có khả năng gây tác động bất lợi hơn đến môi trường so với túi nhựa nhẹ và, nếu phù hợp, trình bày một đề xuất lập pháp nêu rõ các mục tiêu giảm thiểu và các biện pháp để đạt được các mục tiêu đó.

Theo EU, lộ trình mới nhằm thúc đẩy sử dụng bao bì tái sử dụng, giảm đáng kể lượng rác thải nhựa phát sinh trong ngành dịch vụ ăn uống và lưu trú, đồng thời khuyến khích các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững trên toàn liên minh.

Các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang khối thị trường EU cần lưu ý, vì Chỉ thị này tiếp tục định hình những sản phẩm nào có thể được bán ở đó và bằng cách nào.

Bản cập nhật này điều chỉnh các ví dụ minh họa được sử dụng để phân biệt giữa các loại nắp, nút và vỏ khác nhau trên các hộp và cốc đựng đồ uống bằng nhựa dùng một lần. Bản cập nhật bổ sung một ví dụ mới về nắp nhựa được sử dụng cùng với nắp bằng giấy bạc nhôm, chẳng hạn như loại được tìm thấy trên các chai polyetylen mật độ cao dùng cho sữa tiệt trùng ở nhiệt độ cực cao.

Mặc dù sự thay đổi này khá hẹp, nhưng các hướng dẫn đi kèm lại không đơn giản. Đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu bao bì, đồ dùng ăn uống, sản phẩm chăm sóc cá nhân và hàng tiêu dùng của Việt Nam hướng đến thị trường EU, đây là lời nhắc nhở kịp thời về tầm ảnh hưởng sâu rộng của Chỉ thị về nhựa sử dụng một lần, và mức độ hiệu quả thực tiễn của nó phụ thuộc nhiều vào hướng dẫn giải thích hơn là văn bản pháp luật đơn thuần.

Chỉ thị này áp dụng cho một danh sách xác định các sản phẩm nhựa dùng một lần, bao gồm hộp đựng thực phẩm, cốc và đồ uống, dao kéo, đĩa, ống hút, que khuấy, gói và bao bì, túi ni lông nhẹ, que tăm bông, bóng bay và que giữ bóng bay, sản phẩm vệ sinh, khăn ướt và đầu lọc thuốc lá. Chỉ thị cũng cấm hoàn toàn các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học oxo, dù là dùng một lần hay không, và bao gồm cả ngư cụ có chứa nhựa. Đối với các sản phẩm trong danh sách này, các quốc gia thành viên có thể áp đặt các hạn chế tiếp thị, biện pháp giảm tiêu thụ, yêu cầu thiết kế, nghĩa vụ ghi nhãn và các quy tắc trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất.

Các hướng dẫn này rất quan trọng vì văn bản pháp lý sẽ giải thích cụ thể, và câu trả lời của Ủy ban về ranh giới đó sẽ quyết định sản phẩm mà các nhà cung cấp Việt Nam có thể tiếp tục đưa lên kệ hàng của EU mà không cần sửa đổi, và sản phẩm nào phải được thiết kế lại, dán nhãn lại hoặc thay đổi công thức.

Một điểm khác biệt quan trọng là ngoại lệ dành cho "polyme tự nhiên", phạm vi của nó hẹp hơn so với tên gọi. Các polyme có nguồn gốc từ quá trình lên men như PHA không được coi là tự nhiên (vì bản thân quá trình trùng hợp không xảy ra trong tự nhiên), do đó chúng vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh. Cellulose tái sinh (viscose, lyocell) được coi là không biến đổi và được miễn trừ, nhưng cellulose acetate được coi là biến đổi hóa học và vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh. Đối với các nhà sản xuất vật liệu sinh học hoặc vật liệu sợi tại Việt Nam, sự phân biệt này có thể quyết định liệu một sản phẩm có bị điều chỉnh hay không.

Điểm đáng chú ý thứ hai liên quan đến các sản phẩm được làm một phần từ nhựa. Hướng dẫn này khẳng định không có ngưỡng tối thiểu nào cho hàm lượng nhựa: một sản phẩm thuộc phạm vi áp dụng nếu nó được làm hoàn toàn hoặc thậm chí chỉ một phần từ nhựa. Điều này có tác động trực tiếp đến bao bì làm từ giấy và bìa cứng. Các sản phẩm giấy hoặc bìa cứng trơn không có lớp lót hoặc lớp phủ nhựa nào nằm ngoài phạm vi của Chỉ thị, phản ánh việc chúng được coi là một giải pháp thay thế thực sự cho nhựa sử dụng một lần.

Tuy nhiên, ngay khi thêm lớp phủ hoặc lớp lót bằng nhựa, ví dụ để làm cho cốc giấy hoặc hộp đựng thực phẩm chống thấm nước hoặc dầu mỡ, sản phẩm hoàn thiện được coi là sản phẩm tổng hợp có một phần làm từ nhựa, và nằm trong phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị, bao gồm cả các hạn chế tiếp thị và yêu cầu thiết kế liên quan.

Các nhà cung cấp tại Việt Nam khi giới thiệu cốc, hộp hoặc bao bì bằng bìa cứng tráng phủ như một lựa chọn thay thế không chứa nhựa cần lưu ý rằng lớp phủ hoặc lớp lót bằng nhựa không đạt được kết quả đó theo luật EU, ngay cả khi giấy dường như là vật liệu chủ đạo.

Lĩnh vực thứ ba đề cập đến những gì được coi là "sử dụng một lần". Một sản phẩm chỉ thoát khỏi các hạn chế của Chỉ thị nếu nó thực sự được thiết kế và

tiếp thị để sử dụng nhiều lần, chẳng hạn như thông qua hệ thống nạp lại hoặc tái sử dụng, chứ không chỉ đơn thuần vì nó đủ bền để tái sử dụng.

Các hướng dẫn áp dụng các tiêu chí tương tự được sử dụng trong luật về bao bì và chất thải bao bì: sản phẩm phải chịu được việc sử dụng nhiều lần, có thể làm sạch mà không bị hư hại và là một phần của chương trình tái sử dụng thực tế. Các nhà cung cấp cốc, chai hoặc hộp đựng tái sử dụng ở Việt Nam phải chứng minh được rằng cả sản phẩm và hệ thống tái sử dụng của nó đều đáp ứng các tiêu chí này, chứ không chỉ đơn giản là sản phẩm đó bền chắc.

Các hướng dẫn cũng đưa ra các tiêu chí chi tiết cho các loại sản phẩm liên quan đến các nhà phân phối Việt Nam, bao gồm hộp đựng thực phẩm, bao bì và giấy gói, hộp đựng đồ uống, chai và cốc (bao gồm nắp, nút và vỏ), túi đựng hàng và khăn ướt.

Đối với đồ uống, nắp và nút được tính là một phần của sản phẩm, hộp giấy composite được bao gồm, nhưng hộp đựng bằng thủy tinh hoặc kim loại thì không được tính, ngay cả khi có nắp nhựa.

Đối với khăn ướt, những loại được làm từ vật liệu không tự nhiên hoặc biến đổi hóa học (như polyester) được tính, trong khi khăn ướt làm từ sợi tự nhiên không biến đổi (như viscose hoặc lyocell) thì không, và khăn ướt dùng cho mục đích chuyên nghiệp hoặc công nghiệp thì không được tính.

Bài học thực tiễn rút ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam gồm ba điểm chính:

Thứ nhất, việc phân loại sản phẩm theo Chỉ thị này phụ thuộc rất nhiều vào từng trường hợp cụ thể, dựa trên các chi tiết như độ dày thành, thành phần vật liệu, lớp phủ, phương thức tiêu thụ dự định và kênh phân phối, do đó, việc đưa ra những giả định chung chung về việc một loại sản phẩm nào đó nằm trong hay ngoài phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị là rất rủi ro.

Thứ hai, vì Chỉ thị về nhựa sử dụng một lần có thể ưu tiên hơn luật về bao bì và chất thải bao bì trong trường hợp hai luật này mâu thuẫn, đặc biệt là về các hạn chế tiếp thị, nên các chiến lược tuân thủ chỉ dựa trên các quy tắc bao bì chung có thể không đủ

Thứ ba, vì các cơ quan chức năng và tòa án quốc gia tại các nước thành viên EU áp dụng các hướng dẫn của Ủy ban này khi thực thi Chỉ thị trong nước, cung cấp một điểm tham chiếu thực sự hữu ích để dự đoán cách các cơ quan hải quan, cơ quan giám sát thị trường và người mua lẻ của EU có thể xử lý một sản phẩm cụ thể trên thực tế.

Tóm lại, bản cập nhật này nhắc nhở rằng việc phân loại các sản phẩm nhựa dùng một lần của EU vẫn phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể và cách diễn giải khác nhau, ngay cả sau nhiều năm Chỉ thị này có hiệu lực.

Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần xem xét lại các dòng sản phẩm xuất khẩu sang EU của mình dựa trên hướng dẫn mới nhất thay vì chỉ dựa vào các phân loại trước đây.

Thị phần sản phẩm nhựa dùng một lần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU vẫn ở mức thấp

Theo số liệu từ Eurostat, trong 6 tháng đầu năm 2026, trị giá nhập khẩu sản phẩm nhựa dùng một lần (mã hs 392330/392410) của EU đạt 2,76 tỷ Euro (tương đương 3,15 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này từ các nước nội khối EU đạt 2,22 tỷ USD, tăng 5,8% và chiếm 70,4% tổng trị giá nhập khẩu của EU, tăng so với 69,4% của cùng kỳ năm 2025; Nhập khẩu từ các nước ngoại khối đạt 931,1 triệu USD, tăng 0,5% và chiếm 29,6% tổng trị giá nhập khẩu của EU, giảm so với 30,6% của cùng kỳ năm ngoái.

Trong các thị trường ngoại khối, Trung Quốc là nhà cung cấp sản phẩm nhựa dùng một lần lớn nhất, đạt 522 triệu USD, chiếm 16,6% tổng trị giá nhập khẩu của EU; Tiếp đến là Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 2,2% thị phần; Mỹ chiếm 1,7%. sản phẩm nhựa dùng một lần nhập khẩu từ Việt Nam, đạt 14,2 triêu USD, tăng tới 150% so với cùng kỳ năm 2025, nhưng chỉ chiếm 0,4% tổng trị giá nhập khẩu của EU, tăng so với 0,2% của cùng kỳ năm ngoái.

Để duy trì sự hiện diện tại thị trường khó tính này trong thời gian tới, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động nghiên cứu kỹ nội dung Quy định 2019/904 của EU để nắm bắt chính xác các yêu cầu về thiết kế bao bì, nội dung tái chế và nhãn mác mới.

Thị trường cung cấp sản phẩm nhựa dùng một lần (mã HS 392330/392410) vào EU 6 tháng đầu năm 2026 (tỷ giá 1 Eur= 1,14 USD)

Thị trường	6 tháng năm 2026		So với 6 tháng 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn USD	Nghìn Euro		6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	3.150.379	2.763.491	4,1	100,0	100,0
Nội khối EU	2.219.285	1.946.741	5,8	70,4	69,4
Ngoại khối	931.094	816.749	0,5	29,6	30,6
Trung Quốc	522.018	457.911	2,8	16,6	16,8
Đức	405.775	355.943	8,4	12,9	12,4
Hà Lan	266.000	233.333	6,6	8,4	8,2
Ba Lan	252.766	221.725	10,3	8,0	7,6
Pháp	214.198	187.893	6,7	6,8	6,6
Italy	188.296	165.172	-1,9	6,0	6,3
Bỉ	150.883	132.353	7,6	4,8	4,6
Tây Ban Nha	104.260	91.456	21,9	3,3	2,8
Áo	100.629	88.271	7,4	3,2	3,1
CH séc	96.461	84.615	12,1	3,1	2,8
Anh	77.194	67.714	-9,9	2,5	2,8
Lithuania	73.186	64.198	14,3	2,3	2,1
Luxembourg	72.987	64.024	-12,1	2,3	2,7
Thổ Nhĩ Kỳ	69.636	61.084	7,1	2,2	2,1
Mỹ	53.975	47.347	-14,2	1,7	2,1
Thụy Sỹ	45.379	39.807	-4,6	1,4	1,6
Đan Mạch	44.548	39.077	-7,9	1,4	1,6
Thụy Điển	36.380	31.912	12,4	1,2	1,1
Bồ Đào Nha	36.280	31.824	7,3	1,2	1,1
Hungari	34.792	30.519	-28,3	1,1	1,6
Slovenia	30.035	26.346	-2,2	1,0	1,0
Na Uy	25.344	22.232	26,5	0,8	0,7
Bungari	24.846	21.795	10,6	0,8	0,7
Slovakia	21.911	19.220	7,4	0,7	0,7
Serbia	19.272	16.905	18,1	0,6	0,5
Romani	16.094	14.118	-5,9	0,5	0,6
Hy Lạp	15.260	13.386	8,0	0,5	0,5
Việt Nam	*14.172*	*12.432*	*150,0*	*0,4*	*0,2*

Nguồn: Eurostat

Trương Thị Liên (VITIC) thực hiện